TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 268/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28 -11 - 2017
Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – chủ Tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Nguyễn Văn Minh
2.Ông Nguyễn Thanh Hoàng
-Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, Tỉnh Long an.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1137/2017/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 347/2017/QĐST- HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1970 (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1970 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 25 tháng 9 năm 2017 và trong những lời khai tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa bà Võ Thị H trình bày:

Về hôn nhân: bà và ông Trần Văn T có tìm hiểu nhau thời gian ngắn tiến đến hôn nhân vào năm 1990, có tổ chức lễ cưới theo phong tục cổ truyền nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình. Cuộc sống chung vợ chồng thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc đến tháng 8 năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay bà thấy tình nghĩa vợ chồng không thể hàn gắn nên bà xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: có hai con chung tên Trần Phương T, sinh năm 1991 và Trần Công H,sinh năm 1996 (cả hai trưởng thành).

Tài sản chung: không có.

Nợ chung: không có.

Đối với bị đơn: ông Trần Văn T có bản tự khai gửi cho Tòa án thống nhất tình trạng hôn nhân giữa ông và bà H theo bà H trình bày là đúng, ông đồng ý ly hôn. Về con chung có hai con tên Trần Phương T sinh năm 1991 và Trần Công H sinh năm 1996 (cả hai trưởng thành), tài sản chung và nợ chung không có và ông xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đ. Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy bà Võ Thị H và ông Trần Văn T hai người trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau thời gian ngắn và tự nguyện kết hôn chung sống với nhau vào năm 1990 không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà vi phạm theo quy định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Thấy rằng từ khi chung sống, hai người chỉ hạnh phúc thời gian đầu về sau cuộc sống chung không hợp nhau, cãi vã về quan điểm sống nên đến tháng 8 năm 2006 hai người đã ly thân đến nay. Ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu bà H nhưng do hai người không có đăng ký kết hôn nên không thể công nhận thuận tình ly hôn mà tuyên bố bà H và ông T không phải là quan hệ vợ chồng theo quy định Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: ông T và bà H có hai con chung tên Trần Phương T sinh năm 1991 và Trần Công H sinh năm 1996 (cả hai trưởng thành và có gia đình) nên không đề cập xem xét.

[4] Về tài sản chung: các đương sự thống nhất khai không có nên không đề cập xem xét.

[5]Về nợ chung: các đương sự thống nhất khai không có nên không đề cập xem xét.

[6]Về án phí: bà H là nguyên đơn trong vụ án phải chịu án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị H và ông Trần Văn T không phải là quan hệ vợ chồng.

2/ Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà H đã nộp theo biên lai số 1678 ngày 08/11/2017 tại Chi cục thi hành án huyện Đ, tỉnh Long An.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND Tỉnh Long An;
-VKSND huyện Đ;
-UBND xã H;
-Lưu.

Nguyễn Thị Mộng Thúy